

Số: 47/2020/QĐST - HNGĐ

T, ngày 10 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2020/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn S**, sinh năm 1990;

Bị đơn: **Chị Hà Thị A**, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Chị Đinh Thị H – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03/3/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn S và chị Hà Thị A.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:
 - a. **Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:**
 - Anh S, chị A xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu: Nguyễn Khánh L, sinh ngày 14/02/2012.

- Khi ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Khánh L đến khi trưởng thành; chị A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S; người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.
 - b. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - c. Về án phí:** Anh S tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ 300.000 đồng (ba trăm nghìn), tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số: AA/2018/0000906 ngày 17/02/2020. Trả lại cho anh S 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp.
- 3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.
- 4.** Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai